

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**
Bản án số: 117/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2019
V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1951 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng trú tại: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1971, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống bà và ông T thường xảy ra mâu thuẫn do thường xuyên cự cãi lẫn nhau, ông T thường xuyên đánh đập bà và cuộc sống hôn nhân của bà và ông T không còn hạnh phúc bà và ông T không còn chung sống với nhau hơn một năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân đã xảy ra mâu thuẫn và tình cảm không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có năm người con chung tên Phan Văn Tòng, sinh năm

1969; Phan Văn Nh, sinh năm 1975; Phan Thị Th, sinh năm 1973; Phan Văn N, sinh năm 1975 và Phan Văn Đ, sinh năm 1988. Hiện nay các con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 9 năm 2019 bị đơn ông Phan Văn T trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng, nhưng do ông còn tình cảm với bà D nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Vợ chồng có năm người con chung đúng như bà D đã trình bày, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phan Văn T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1971 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T xác lập mối quan hệ vợ chồng trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà D giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng trong quá trình chung sống ông T khó khăn và thường xuyên đánh bà, bà không chung sống được nên đến nhà các con ở thì ông T đến nhà các con kiểm chuyện chửi bà và các con, hiện nay bà không còn thương ông T và không thể tiếp tục chung sống với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Ly hôn với ông T. Ông T thừa nhận trong quá trình chung sống ông có đánh bà D một lần và có khó khăn với bà D, nhưng ông còn thương bà D, ông cam kết với bà D sẽ không khó khăn và đánh bà D, ông không đồng ý ly hôn yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà D. Xét thấy, tại phiên tòa bà D cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng không còn yêu thương ông T, bà D và ông T không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T có năm người con chung tên Phan Văn Tòng, sinh năm 1969; Phan Văn Nh, sinh năm 1975; Phan Thị Th, sinh năm 1973; Phan Văn N, sinh năm 1975 và Phan

Văn Đ, sinh năm 1988. Con chung đã trưởng thành và có đầy đủ khả năng để lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà D phải chịu 300.000đ, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phan Văn T.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019279 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều